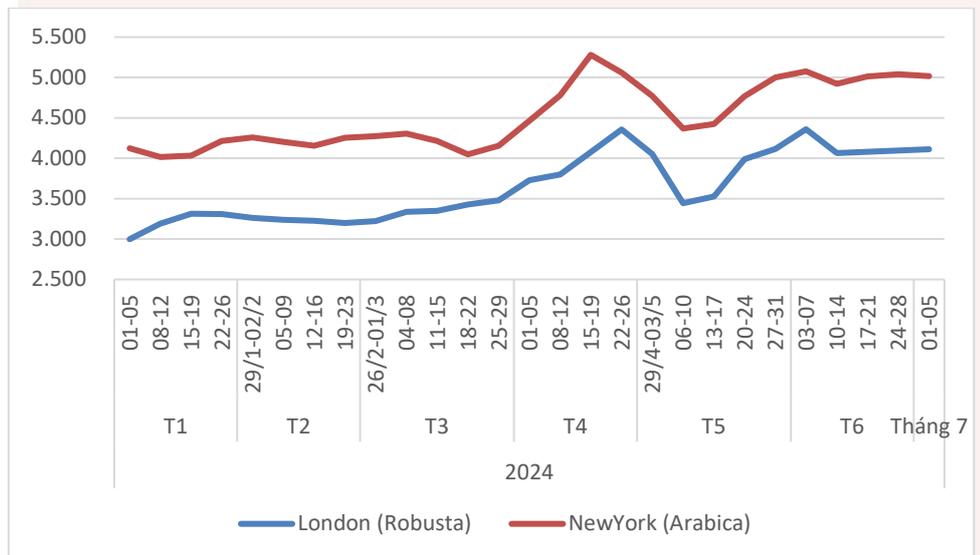




ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2024 tại thị trường London đạt mức bình quân 4.111 USD/tấn, tăng 0,3% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 5.018 USD/tấn, giảm 0,4% so với tuần trước.
- ❖ Xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 5/2024 đạt 11,78 triệu bao, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước (ICO).
- ❖ Xuất khẩu cà phê Robusta tại Sumatra (Indonesia) trong tháng 5/2024 giảm 53,99% so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 01 đến 05/07/2024, giá cà phê thế giới có xu hướng trái chiều tại hai thị trường. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 09/2024 tại thị trường London đạt 4.111 USD/tấn, tăng 0,3% so với tuần trước và tăng 40,3% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.185 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.058 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2024 bình quân đạt 5.018 USD/tấn, giảm 0,4% so với mức giá tuần trước nhưng tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.208 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.946 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 5/2024

Theo Tổ chức cà phê Thế giới (ICO), xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 5/2024 đạt 11,78 triệu bao, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu niên vụ 2023/2024, khối lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 92,73 triệu bao, tăng 10,9% so với cùng kỳ niên vụ trước. [2]

Nguồn cung và tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2023/2024

Tổ chức cà phê Quốc tế (IEA) dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu niên vụ 2023/2024 ước đạt 178 triệu bao, thấp hơn 5,83% so với niên vụ trước. Tiêu thụ cà phê toàn cầu ước đạt 177 triệu bao, tăng 2,25% so với niên vụ 2022/2023. Tiêu thụ cà phê toàn cầu tăng do tiêu thụ cà phê nội địa tại các nước sản xuất như Brazil, Indonesia và Việt Nam tăng. [2]

Colombia

Theo liên đoàn người trồng cà phê ở Colombia, sản lượng cà phê của Colombia trong tháng 6/2024 đạt 1,17 triệu bao, tăng 22,59% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng niên vụ 2023/2024, sản lượng cà phê Colombia đạt 1,53 triệu bao, cao hơn 19,27% so với niên vụ 2022/2023. [2]

Về xuất khẩu, tháng 6/2024, khối lượng xuất khẩu cà phê của Colombia đạt 1.03 triệu bao, tăng 35,25% so với tháng 6/2025. Tính chung 9 tháng niên vụ 2023/2024 đạt 8,78 triệu bao, tăng 6,78% so với niên vụ trước [2]

Indonesia

Theo Chính phủ Indonesia, xuất khẩu cà phê Robusta tại Sumatra trong tháng 5/2024 đạt 104,43 nghìn bao giảm 53,99% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm niên vụ 2024/2025 (từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025) đạt 179,56 nghìn bao, giảm 51,34% so với cùng kỳ niên vụ trước. Dự báo, sản lượng cà phê của Sumatra đạt 10,9 triệu bao trong niên vụ 2024/2025. Trong đó, sản lượng cà phê Robusta

chiếm 85% tổng sản lượng cà phê trong niên vụ này. [3]

Uganda

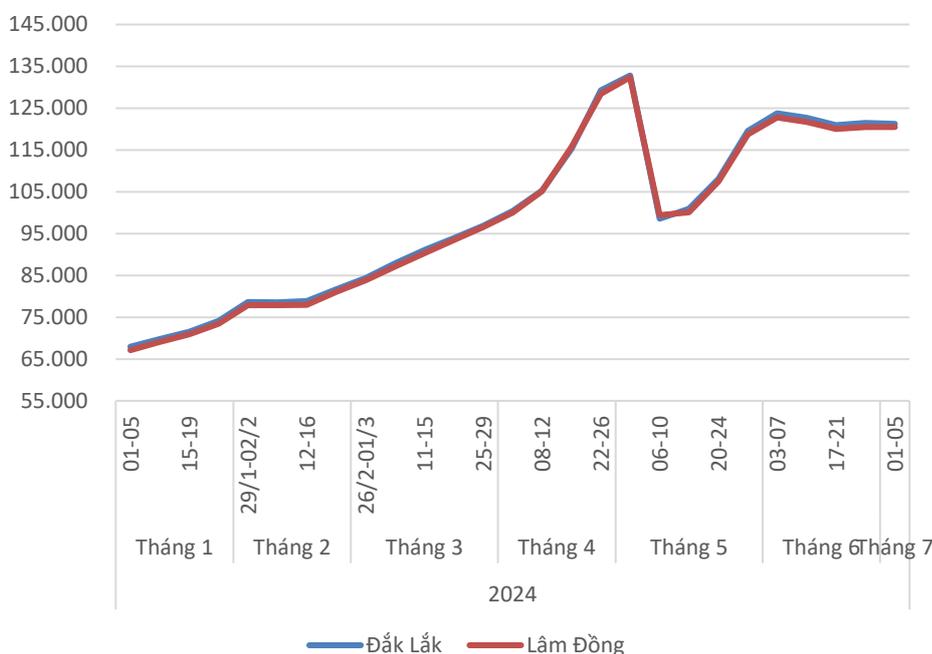
Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê của Uganda trong niên vụ 2024/2025 (tháng 10/2024 đến tháng 9/2025) đạt 6,9 triệu bao, tăng 0,74% so với niên vụ trước. Sản lượng cà phê của Uganda tăng do quốc gia này thực hiện chương trình tái canh và thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất cà phê. [3]

USDA dự báo, xuất khẩu cà phê của Uganda trong niên vụ 2024/2025 đạt 6,57 triệu bao tăng 0,92% so với niên vụ 2023/2024. [3]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên tiếp tục tăng.
- ❖ Việt Nam xuất khẩu khoảng trên 75.500 tấn cà phê trong tháng 6/2024, kim ngạch xuất khẩu khoảng 351,72 triệu USD,
- ❖ Cà phê Robusta chiếm 73,6% khối lượng xuất khẩu của cà phê Việt Nam 6 tháng năm 2024.
- ❖ Diện tích cà phê hiện chiếm khoảng trên 35% tổng diện tích sản xuất nông nghiệp của tỉnh Đắk Nông.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Trong tuần từ 01/07 đến 05/07/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục có xu hướng giảm nhẹ. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 121.213 VNĐ/kg, giảm 0,2% so với tuần trước, và tăng 86,96% so với cùng kỳ năm 2023. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 120.480 VNĐ/kg, giảm 0,002% so với tuần trước và tăng 86,67% so với cùng kỳ năm trước. [4]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê 6 tháng 2024.

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, trong tháng 6/2024, Việt Nam xuất khẩu khoảng trên 75.500 tấn cà phê, kim ngạch xuất khẩu khoảng 351,72 triệu USD, khối lượng giảm khoảng 46,7% và kim ngạch giảm khoảng 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Trong 6 tháng năm 2024, cà phê Robusta chiếm 73,6% khối lượng xuất khẩu của cà phê Việt Nam, đạt 55,59 nghìn tấn, kim ngạch đạt 227,85 triệu USD. Xuất khẩu cà phê nhân Arabica đạt 6,34 nghìn tấn, kim ngạch khoảng 10,13 triệu USD. Cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu khoảng 10.900 tấn (chưa quy đổi ra cà phê nhân), kim ngạch trên 86,1 triệu USD (khối lượng cà phê rang xay và hòa tan chiếm khoảng 14,4% và kim ngạch chiếm khoảng 24,5% tổng các loại cà phê xuất khẩu). [5]

Về thị trường xuất khẩu, 6 tháng năm 2024, Đức là thị trường xuất khẩu lớn nhất của cà phê Việt Nam đạt 7.176 tấn, Italy thứ 2 đạt 5.571 tấn, Nhật Bản thứ 3 đạt 4.886 tấn, Thái Lan thứ 4 đạt 3.599 tấn, Nga thứ 5 đạt 3.554 tấn. [5]

Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân trong 6 tháng năm 2024.

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân lớn nhất trong 6 tháng năm 2024 là: Vĩnh Hiệp, Simexco Daklak, Louis Dreyfus Company Việt Nam, Intimex Group, Tuấn Lộc Commodities, Intimex Mỹ Phước, Olam Việt Nam, NKG Việt Nam, Sucafina Việt Nam và Phúc Sinh. [5]

Trong tổng số các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân sống thì các doanh nghiệp FDI chiếm thị phần khoảng 35% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân sống và chiếm khoảng 34,5% về giá trị kim ngạch. [5]

Gia Lai

Cà phê là cây trồng chủ lực tại Gia Lai với tổng diện tích đạt trên 105 nghìn ha. Do ảnh hưởng của nắng nóng kéo dài làm thiếu nguồn nước tưới và bệnh rệp sáp đang phát triển mạnh khiến cây cà phê tại Gia Lai đang đứng trước nguy cơ mất mùa cao, gây thiệt hại lớn về kinh tế cho người dân. Hiện nay, diện tích cà phê bị nhiễm rệp sáp khoảng trên 4.800 ha. Nguyên nhân chủ yếu do thời tiết nắng nóng kéo dài, sau đó mưa đầu mùa tạo môi trường nóng ẩm, kích thích rệp sáp phát triển mạnh. [6]

Đắk Lắk

Theo Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk, 6 tháng năm 2024, giá trị xuất khẩu tỉnh Đắk Lắk đạt 920 triệu USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, cà phê vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực, với sản lượng 202.000 tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước. [7]

Đắk Nông

Theo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông, cà phê chiếm khoảng trên 35% tổng diện tích sản xuất nông nghiệp của tỉnh Đắk Nông. Tính đến hết năm 2023, Đắk Nông có khoảng 142.059 ha cà phê, sản lượng 360.027 tấn. Cà phê được trồng hầu hết trên địa bàn các huyện, TP. Gia Nghĩa. Tập trung nhiều ở các địa phương: Krông Nô, Đắk Song, Đắk Mil, Tuy Đức, Đắk R'lấp và Đắk Glong. Hiện nay, các giống cà phê được người dân sản xuất chủ yếu gồm: TRS1, TR4, TR9, TR11, cà phê dây... Các giống cà phê này đều có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện canh tác của tỉnh, đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận. [8]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.investing.com>
2. iandmsmith.com
3. iandmsmith.com
4. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên
5. [Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam](#)
6. [Báo Công thương](#)
7. [Báo Đắk Lắk](#)
8. [Báo Đắk Nông](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	s	120.200	121.000	120.000	123.000	120.480	-20
Di Linh	118.200	120.200	121.000	120.000	123.000	120.480	-20
Lâm Hà	118.200	120.200	121.000	120.000	123.000	120.480	-20
Bảo Lộc	118.200	120.200	121.000	120.000	123.000	120.480	-20
ĐẮK LẮK	119.133	121.133	121.933	120.933	122.933	121.213	-240
Cư M'gar	119.200	121.200	122.000	121.000	123.000	121.280	-240
Ea H'leo	119.100	121.100	121.900	120.900	122.900	121.180	-240
Buôn Hồ	119.100	121.100	121.900	120.900	122.900	121.180	-240
ĐẮK NÔNG	119.250	121.450	122.250	121.250	123.450	121.530	-100
Gia Nghĩa	119.300	121.500	122.300	121.300	123.500	121.580	-100
Đắk R'lấp	119.200	121.400	122.200	121.200	123.400	121.480	-100
GIA LAI	119.133	121.133	121.933	120.933	122.933	121.213	-260
Chư Prông	119.200	121.200	122.000	121.000	123.000	121.280	-260
Pleiku	119.100	121.100	121.900	120.900	122.900	121.180	-260
La Grai	119.100	121.100	121.900	120.900	122.900	121.180	-260
KON TUM	119.200	121.200	121.900	120.900	123.000	121.240	-260
Đắk Hà	119.200	121.200	121.900	120.900	123.000	121.240	-260

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn